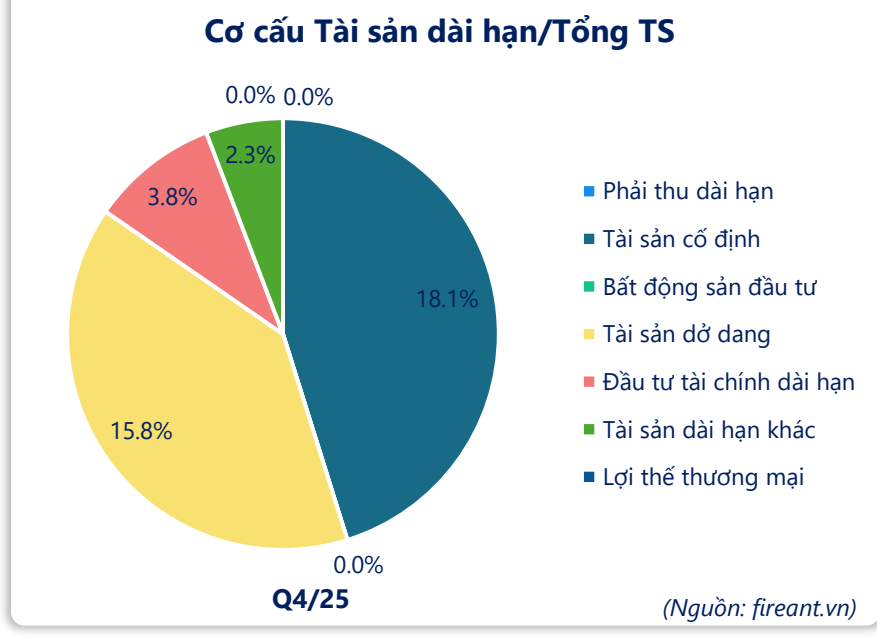
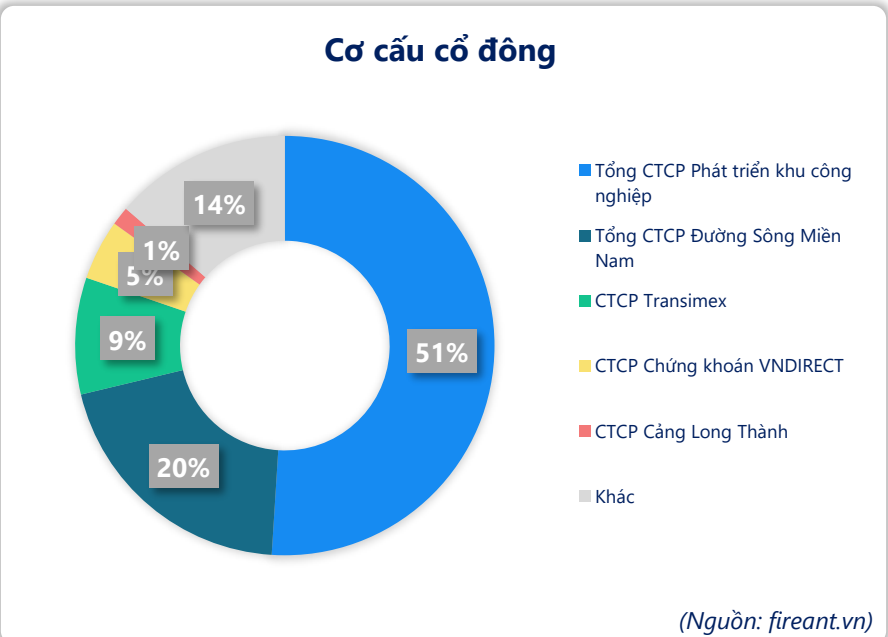
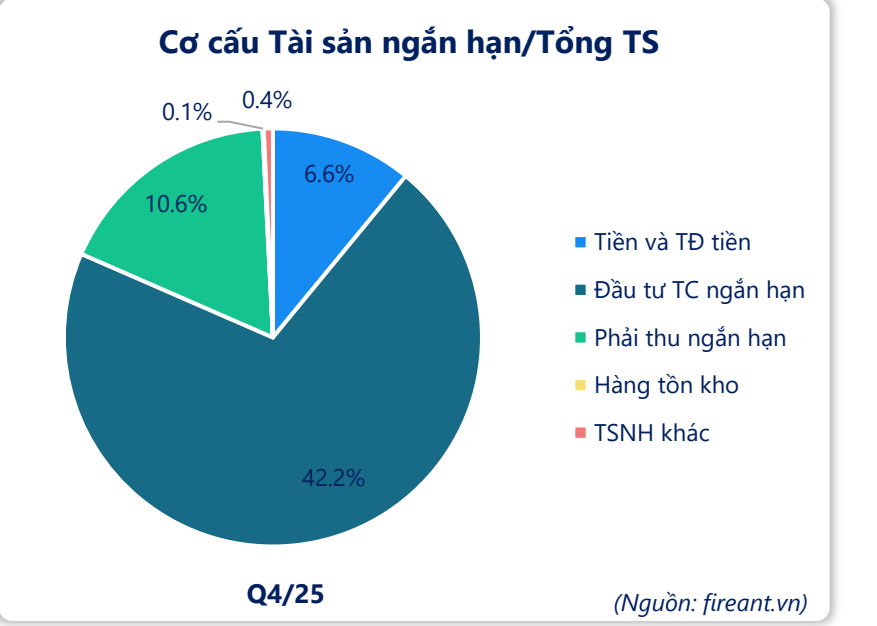
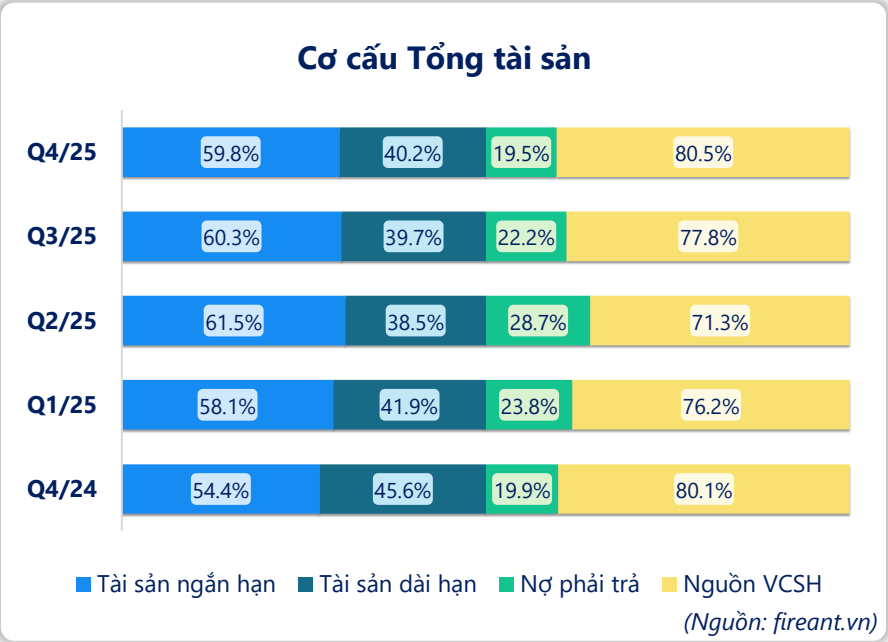
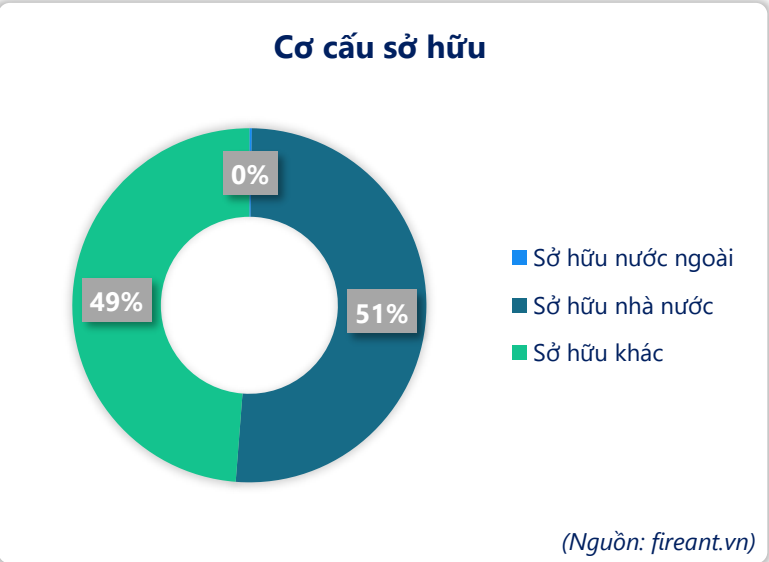
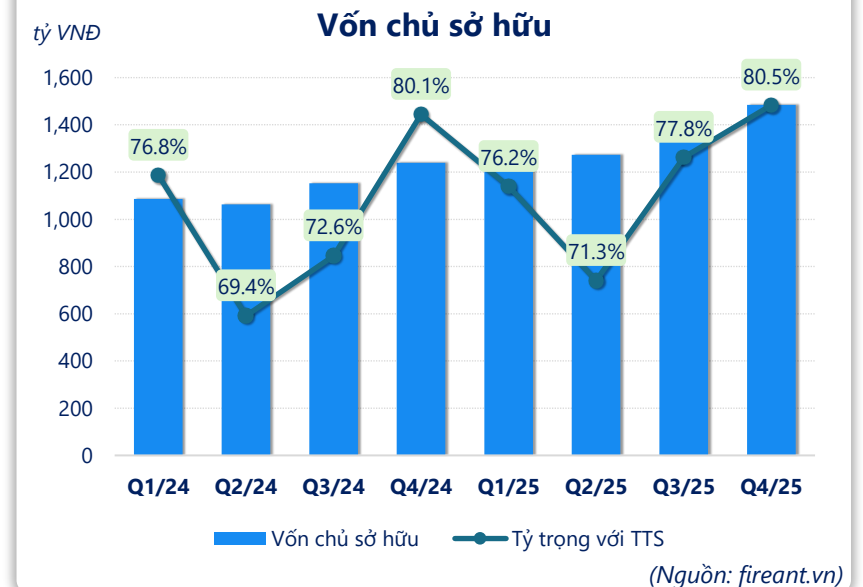
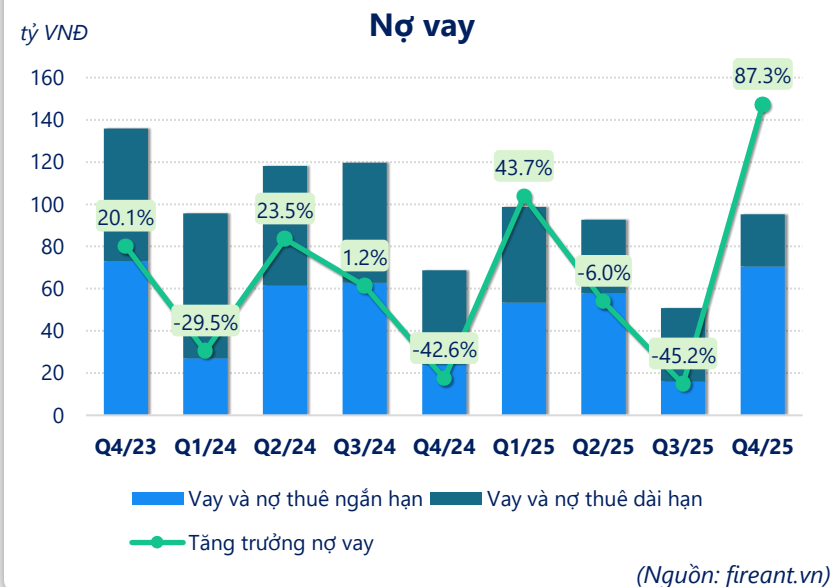
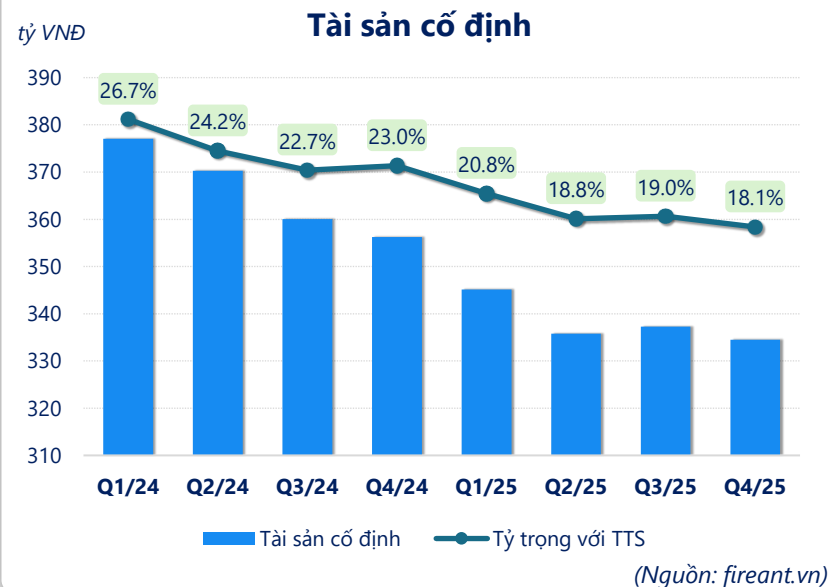
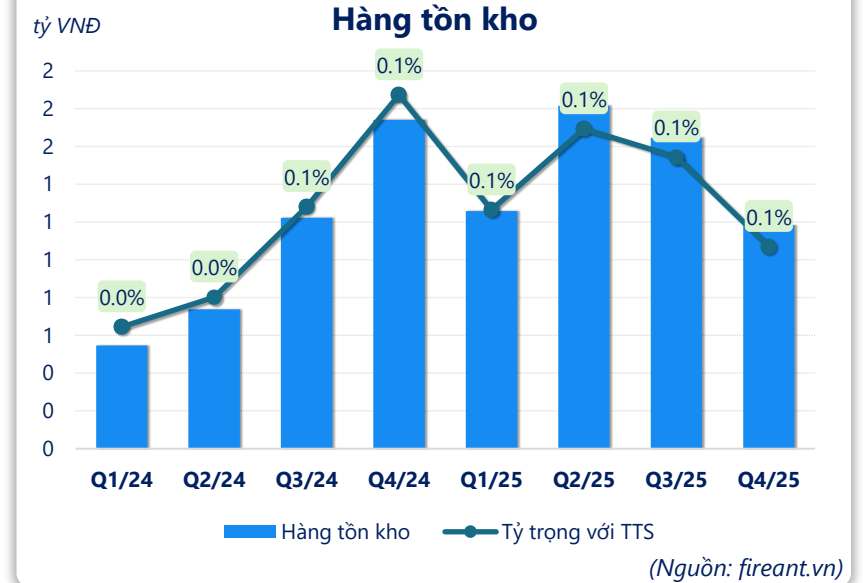
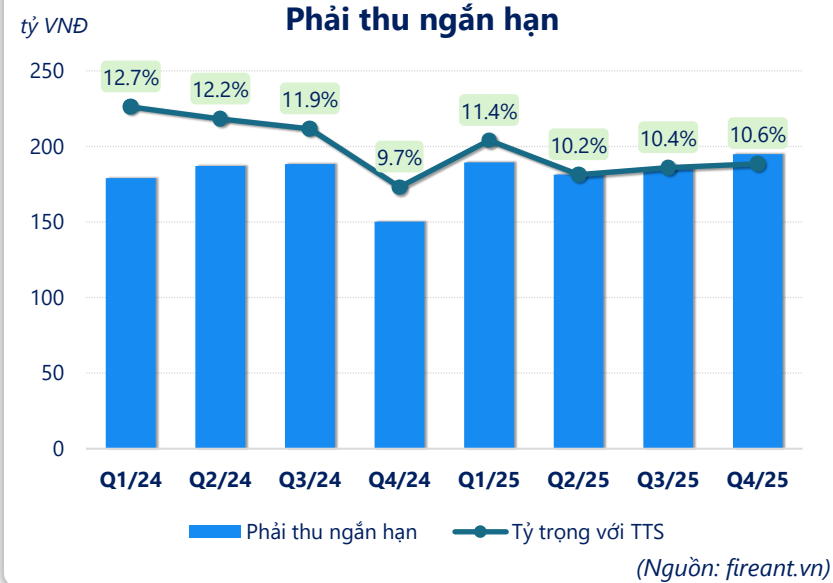
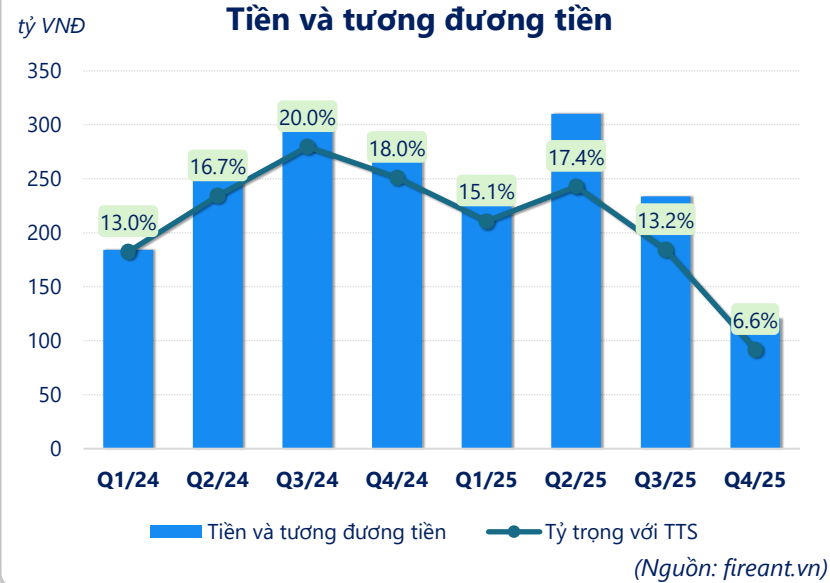
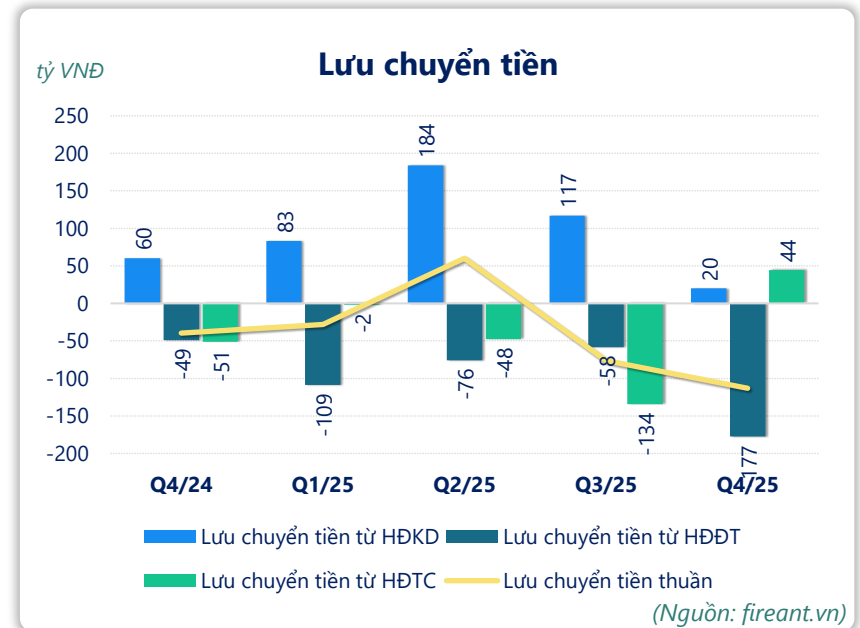
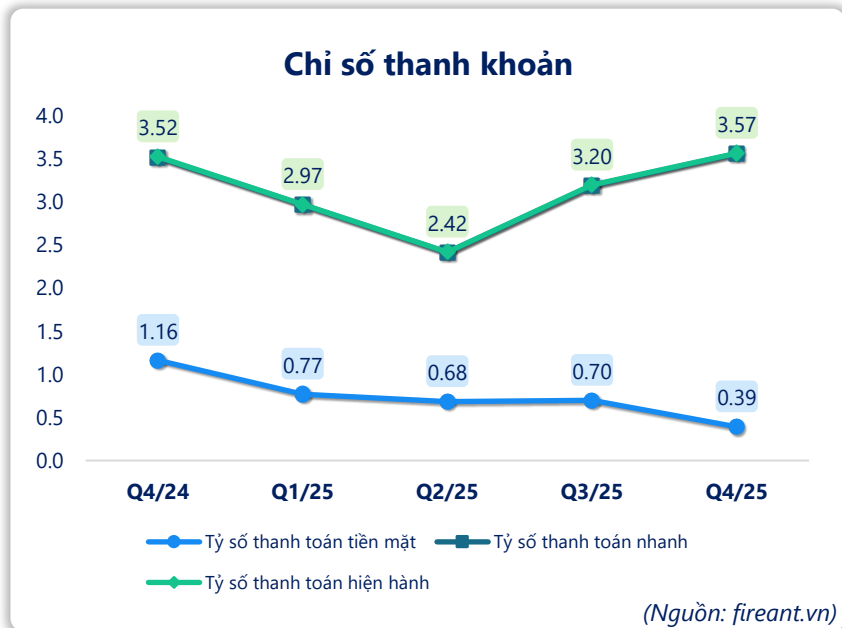
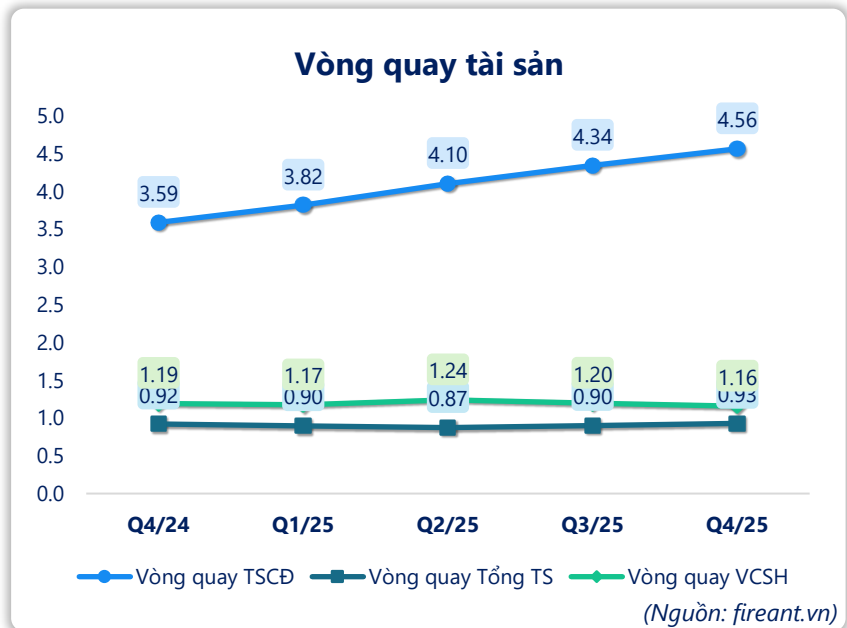
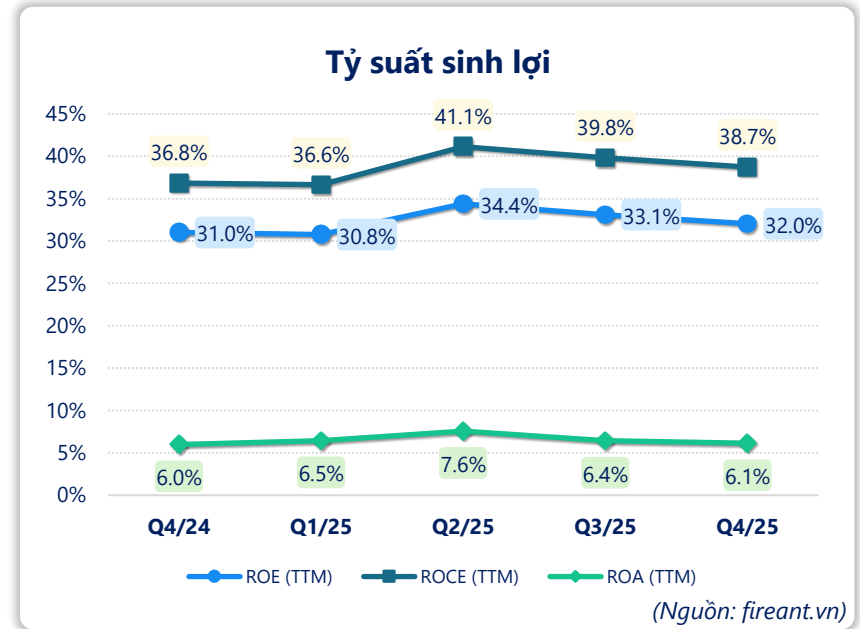
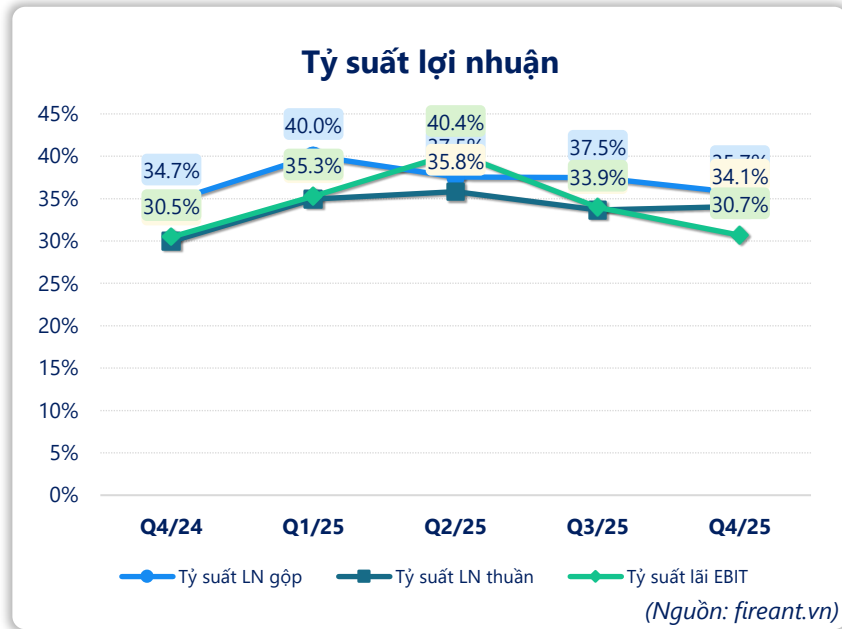
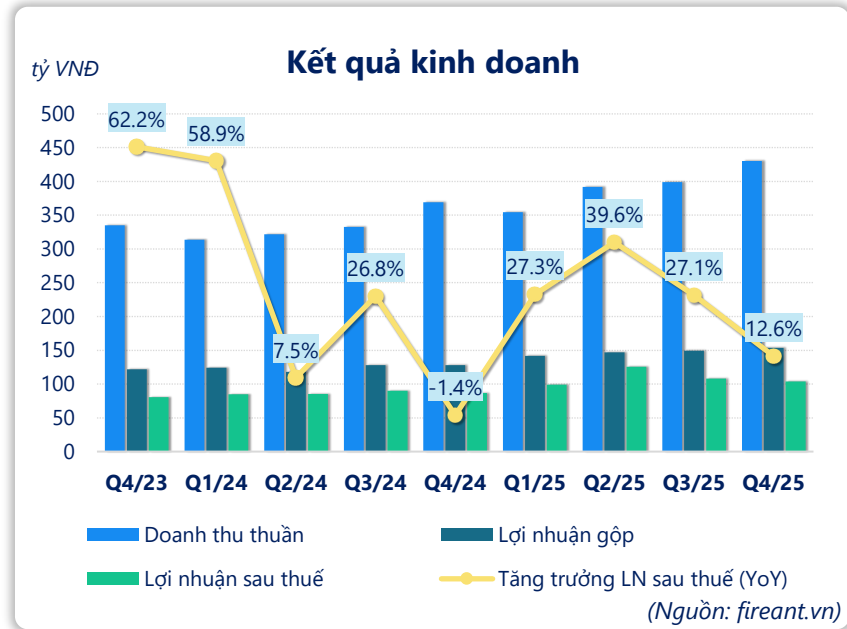


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		116,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		116,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		67,631
SL cổ phiếu LH		55,565,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,255
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,496
P/E		14.9
EPS		7,856

	YTD	1T	3T	6T
PDN	70.7%	16.3%	23.3%	20.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,844	1,549	19.1%
Tài sản ngắn hạn	1,103	843	30.9%
Tiền và tương đương tiền	121	278	-56.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	779	413	88.7%
Phải thu ngắn hạn	195	150	29.8%
Hàng tồn kho	1.18	1.74	-32.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.69	0.43	1697%
Tài sản dài hạn	740	706	4.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	334	356	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	292	234	24.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.0	71.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	42.9	44.3	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	359	309	16.1%
Nợ ngắn hạn	310	239	29.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.6	23.5	201%
Phải trả người bán ngắn hạn	119	91.1	30.7%
Nợ dài hạn	49.3	69.8	-29.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.6	45.2	-45.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,485	1,240	19.8%
Vốn chủ sở hữu	1,485	1,240	19.8%
Vốn điều lệ	556	370	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	369	354	392	399	430
Giá vốn hàng bán	241	213	245	249	277
Lợi nhuận gộp	128	142	147	149	154
Doanh thu HĐTC	10.2	2.73	14.3	5.89	16.8
Chi phí TC	1.86	1.09	1.72	1.08	1.44
Chi phí lãi vay	1.85	1.08	1.70	1.08	1.44
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.39	3.94	3.60	5.26	9.23
Chi phí QLDN	18.4	15.7	15.6	14.8	13.0
LN thuần từ HĐKD	111	124	140	134	147
Lợi nhuận khác	0.08	0.05	16.2	0.07	-16.0
LN trước thuế	111	124	157	134	131
Lợi nhuận sau thuế	86.9	99.1	125	108	104
LNST của CĐ cty mẹ	86.9	99.1	125	108	104

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	60.2	83.1	184	117	20.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-48.8	-109	-75.8	-58.5	-177
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-51.0	-2.26	-47.9	-134	44.3
Tiền đầu kỳ	317	278	250	310	234
Lưu chuyển tiền thuần	-39.6	-28.0	60.1	-76.3	-113
Ảnh hưởng tỷ giá	0.17	0	0	0	0.20
Tiền cuối kỳ	278	250	310	234	121

(Nguồn: fireant.vn)